

Trường:THPT Đỗ Đăng Tuyển Họ và tên giáo viên : Đỗ Thị Thu Thủy

Tổ: Ngữ Văn

Tiết 23-24. Ngày soạn 10/10/2025

BÀI 3 – NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 11 tiết

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Về kiến thức	- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu trong văn bản nghị luận. - Học sinh phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu trong văn bản nghị luận. - Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận. - Học sinh xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết. - Học sinh biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
2.1 Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2.2 Về năng lực đặc biệt	- Học sinh viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay c - Học sinh biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.
3. Về phẩm chất	Học sinh có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có t
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Độc	● Tri thức ngữ văn ● Hiền tài là nguyên khí của quốc gia ● Yêu và đồng cảm ● Chữ bầu lên nhà thơ

	● Thế giới mạng & tôi
Thực hành Tiếng Việt	● Lỗi liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản. Dấu hiệu nhận biết và chỉnh sửa.
Viết	● Viết một bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm
Nói và nghe	● Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau
Củng cố mở rộng	

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- **Học sinh nhận biết** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- **Học sinh phân tích** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.
- **Học sinh xác định** được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- **Học sinh biết nhận ra và khắc phục** những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

- 3. Về phẩm chất:** Học sinh có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM																
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ																		
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học																		
b. Nội dung thực hiện:																		
❖ GV chuẩn bị câu hỏi khởi động: Hãy nhớ lại kiến thức về văn bản nghị luận và cho biết “Văn nghị luận là gì?” ❖ Học sinh hoàn thành bảng K – W – L để tìm hiểu kiến thức về văn bản nghị luận																		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời		Phần chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên. <table><tr><th>K</th><th>W</th><th>L</th></tr><tr><td>Điều con đã biết</td><td>Điều con muốn biết</td><td>Điều con muốn biết thêm</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>		K	W	L	Điều con đã biết	Điều con muốn biết	Điều con muốn biết thêm									
K	W			L														
Điều con đã biết	Điều con muốn biết			Điều con muốn biết thêm														
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thiện phiếu K – W – L																		
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và muốn biết về bài học																		
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học																		
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI																		
a. Mục tiêu hoạt động:																		
❖ Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. ❖ Học sinh phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. ❖ Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận. ❖ Học sinh xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.																		

b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa ❖ Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về văn bản nghị luận và các yếu tố chính trong văn bản nghị luận.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 3 nhóm theo dạng TAM GIÁC ĐA SẮC Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận	Phiếu học tập – <i>Phụ lục 1</i> Phần chia sẻ của Học sinh I. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN 1. KHÁI NIỆM - Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học, ... Căn cứ vào đề tài được đề cập và nội dung triển khai, văn bản nghị luận có thể chia văn bản nghị luận thành nhiều tiểu loại, trong đó văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học là hai tiểu loại quan trọng và quen thuộc. Ở những bối cảnh văn hóa và thời đại khác nhau, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng. - Khi viết văn bản nghị luận tùy vào tính chất của thể loại và mục đích mà người viết lựa chọn thể loại và cách thức được chọn, các tác giả cũng thường chú ý sử dụng yếu tố cảm xúc và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục của văn bản. 2. CÁC YẾU TỐ CHÍNH CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN a. Luận đề - Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, cảm hứng... được tập trung bàn luận trong văn bản. Việc chọn luận đề để bàn luận luôn cho thấy rõ tầm nhìn, tư tưởng, trải nghiệm, sở trường, thái độ, cách nhìn nhận và cảm hứng sống của người viết. Thông thường, luận đề của văn bản nghị luận có tính thời đại, tính xã hội, tính nhân văn.

	được thể hiện rõ qua từ nhan đề. Ví dụ: - Bàn luận về sức mạnh của tình yêu thương (luận đề: sức mạnh của tình yêu thương) - Bàn luận về ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 đối với toàn cầu (luận đề là: ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 với toàn cầu). b. Luận điểm - Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ có luận điểm (gọi nôm na là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định. - Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác. c. Lí lẽ, bằng chứng - Lí lẽ, bằng chứng hay được gọi nôm na là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích, triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ, vững chắc. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách vở nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. Ví dụ minh họa về luận điểm và luận cứ Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta góc đầu lên. Chúng
--	---

	bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn. (Hồ Chí Minh – Tuyên ngôn Độc lập) Trong đoạn văn này, tác giả đã trình bày luận điểm ở dạng tổng phân hợp. Để làm sáng tỏ luận điểm chính đã đưa ra đó là “Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều” Tác giả đã đưa ra 4 luận cứ xác đáng, đó kết lại bằng câu “Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn” để nhấn mạnh và khẳng định lại lần nữa tội ác của bọn thực dân.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu học tập – HS vận dụng những tri thức đã đọc về bài văn nghị luận xã hội để hoàn thành phiếu Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nghị luận xã hội	Phiếu học tập – Phụ lục 2 II. BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn bản nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu mà tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính: - Bàn về một hiện tượng xã hội - Bàn về một tư tưởng đạo lí có tính phổ cập. Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng và triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với bằng chứng thuyết phục và bằng chứng xác đáng, có lời văn chính xác, sinh động. III. MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN ĐOẠN VĂN - Mạch lạc là sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng về chủ đề chung).

	- Liên kết là sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn trong văn bản thể hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối. - Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về đề hoặc luận đề chung được sắp xếp theo một trình tự lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như triển khai mở rộng, khái quát vấn đề,... - Trong một đoạn văn các câu đều phải phục vụ chủ đề đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép nối.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào phần dữ liệu về văn bản nghị luận hãy chỉ ra luận điểm, luận cứ đoạn văn sau b. Nội dung thực hiện HS đọc truyện kể và chia sẻ về các đặc trưng của truyện kể theo tri thức Ngữ văn với các bạn trong lớp.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và ghi lại luận điểm, luận cứ trong đoạn văn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi tiết tốt để cả lớp tham khảo	Dữ liệu: <i>Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt thôn hương. Người nghe thấy cả những điều không hình không âm thanh như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quế rữ đường quê nho nhỏ. Thơ tế hanh đã đưa ta vào một giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh sự mỗi một say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn tủi của một con đường.</i> (Hoài Thanh, Thi nhân Việt Nam)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ	

a. Mục tiêu hoạt động: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ bàn về ảnh hưởng tiêu cực của sử dụng mạng xã hội đối với giới trẻ ngày nay. b. Nội dung thực hiện: HS viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu của giáo viên	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi tốt để cả lớp tham khảo	Học sinh viết bài dựa trên những luận điểm đưa ra.

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu về văn bản nghị luận

HỌ VÀ TÊN:



PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Luận đề là gì?

Luận điểm là gì?



Khi viết một văn bản nghị luận, người ta có thể xây dựng được hệ thống luận điểm mà không cần phải xác định luận đề hay không?

Lí lẽ, bằng chứng có chức năng gì?



HỌ VÀ TÊN:

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN



Em hiểu như thế nào về ý nghĩa tồn tại của văn bản nghị luận bàn về một vấn đề xã hội

Phụ lục 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm tìm hiểu về văn bản nghị luận

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, t	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ,	2 điểm Bài làm tương đối đầy

	bày cầu thả Sai lỗi chính tả	chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu trọng tâm Không trả lời đủ hết câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới d lại ở mức độ biết và t diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành không tham gia hoạt đ	1 điểm Hoạt động tương đối gắn có tranh luận nhưng vẫn đi thông nhất Vẫn còn 1 thành viên k tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhi tương khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều t gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.

❖ **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác
giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

+ **Chỉ ra** được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài

+ **Chỉ ra** tác dụng của việc dựng bia

+ **Đánh giá** được nội dung và nghệ thuật của văn bản

2. Về năng lực:

❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về văn bản nghị luận để tìm ra hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn
bản.

❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất: Học sinh có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm
riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS chơi trò chơi “NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT” cùng tìm hiểu về các bậc nhân tài của r ta.	
❖ HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu hình ảnh và các gợi ý quan tới nhân vật đó.	<u>Đáp án:</u> - Hình 1: LÊ QUÝ ĐÔN - Hình 2: LƯƠNG THẾ VINH

Trong vòng 20 giây học sinh giơ tay g quyền trả lời. Sau cùng giáo viên đưa ra câu hỏi: Em ng khi nhìn thấy (trực tiếp hoặc qua phim những hàng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quố Giám (Hà Nội) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	- Hình 3: TÔN THẤT TÙNG - Hình 4: TRẦN ĐẠI NGHĨA
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận th qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam. ❖ Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan đ của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản. + Chỉ ra được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài + Chỉ ra tác dụng của việc dựng bia + Đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài. ❖ Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm theo thức KHĂN TRẢI BÀN hoàn thành phiếu hiểu bài.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. TÁC GIẢ - Thân Nhân Trung (1418 - 1499), tự là Hậu Phủ, n làng Yên Ninh, huyện Yên Dũng (Bắc Giang).

Nhóm 1: Ghi lại 3 thông tin mà em biết về gia Thân Nhân Trung.	- Ông đỗ Tiến sĩ năm 1469, là người nổi tiếng chương trong hội Tao đàn thời Hậu Lê, được Lê Th Tông tin dùng.
Nhóm 2: Nêu khái niệm về thể loại văn bia sao văn bia thường ngắn và có ngôn ngữ kỳ hàm xúc?	2. TÁC PHẨM <i>a. Hoàn cảnh ra đời:</i>
Nhóm 3: Hãy chỉ ra trong bài những câu cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả với nhân tài.	- Năm 1484 Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Th Tông soạn Bài kí để danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, hiệu Đại Bảo thứ ba (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất)
Nhóm 4: Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì?	tiến sĩ đề danh kí) để khắc lên bia trong Văn Miếu, đầu cho việc xây dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ th truyền thống về sau.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	- Hiền tài là nguyên khí của quốc gia là đoạn trích
Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu	trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này tác giả
Thời gian: 10 phút – Hoặc các nhóm đã ch bị trước bài qua phần tự học.	chủ trương bồi dưỡng trọng dụng hiền tài của các
Chia sẻ: 3 phút	vua Lê. Sau đoạn này là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ k
Phản biện và trao đổi: 2 phút	Nhâm Tuất (1442).
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	<i>b. Thể loại: Văn bia</i>
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần hiểu	Văn bia là loại văn khắc trên bia đá gồm nhiều thể l
Bước 4. Kết luận, nhận định	nhau, rất phổ biến thời trung đại thường ghi chép nh
Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về dung – nghệ thuật của văn bản	sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi sự nghiệp của nh
	người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình, c dựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc. Ví dụ: Các văn bia khác như: <i>An Hoạch sơn Báo Ân bi</i> do Chu Văn Thường soạn, niên đại Hội Phor (1100) ở chùa Báo Ân núi An Hoạch (Đông Sơn Thanh Hóa) đã ca ngợi công tích rực rỡ và đạo lãn của Thái úy Lý Thường Kiệt; <i>Lam Sơn Dụ lăng bi</i> – bia về vua Lê Hiến Tông do các viên Đông các H Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí viết...

	<i>c. Bố cục</i> Đoạn 1: Từ đầu → "...làm đến mức cao nhất": Vai trò quan trọng của hiền tài đối với quốc gia Đoạn 2: Còn lại: Ý nghĩa của việc dựng bia, khắc ghi tên người hiền tài. II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Vai trò quan trọng của hiền tài đối với mỗi quốc gia – “Hiền tài”: là những người vừa học cao, tài rộng, đức độ, có đạo đức. – “Nguyên khí”: là khí chất ban đầu, đóng vai trò quan trọng, tảng làm nên sự sống còn, phát triển của mỗi sự vật. → Từ đó, có thể thấy rằng, người tài cao, học rộng, đức độ chính là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn, sự phát triển của đất nước, xã hội. → Người hiền tài luôn có vai trò quan trọng đối với quốc gia, họ có ảnh hưởng to lớn và quan hệ sâu sắc đến sự thịnh – suy của mỗi quốc gia, đất nước, dân tộc. 2. Những việc làm, chính sách để khuyến khích người tài của bậc minh vương – Những việc mà các bậc minh vương, các vị vua thực hiện: đề cao danh tiếng, xướng danh, ghi tên họ, ban chức tước hay ban yến tiệc,... → Những việc làm đó là chưa đủ. – Biện pháp lâu dài cần thực hiện đó chính là khắc ghi tên người hiền tài. 3. Ý nghĩa của việc cho khắc bia ghi tên tiến sĩ – Khuyến khích nhân tài trong nhân dân, đất nước. – Giúp ngăn ngừa những điều ác, điều xấu trong nhân dân. – Góp phần to lớn làm cho đất nước được giàu mạnh.
--	---

	hưng thịnh và phát triển bền vững lâu dài. 4. Bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia tiến sĩ – Trong bất cứ thời đại nào, hiền tài luôn là “nguyên nhân của quốc gia”, vì vậy, phải biết quý trọng người tài. – Thể hiện một cách rõ nét và sâu sắc trong quan niệm về giáo dục của đất nước, của nhân dân ta, phải không ngừng phát triển giáo dục và trọng dụng người tài để III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Bài kí khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia, khắc bia tiến sĩ là việc khích lệ nhân tài không những có ý nghĩa lớn đối với đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với hậu thế - Thể hiện tấm lòng của Thân Nhân Trung với sự nghiệp xây dựng đất nước 2. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục - Luận điểm, luận cứ rõ ràng; lời lẽ sắc sảo, thấu tình đạt lý
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc trọng dụng nhân tài. HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	Bài làm mẫu Trần Nhân Trung từng nói: “Hiền tài là nguyên nhân của quốc gia”. Quốc gia hưng hay thịnh phụ thuộc vào tài năng, trí tuệ của hiền tài, bởi vậy mà việc trọng dụng hiền tài là rất cần thiết. Hiền tài là những con người học thức, có trí tuệ, giỏi giang hơn người khác và có

Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi tiết tốt để cả lớp tham khảo	trọng là có nhân cách tốt đẹp. Người vừa có tài, có năng lực hoàn thành mọi công việc; vừa có đức, có phẩm chất đạo đức biết sống hết mình vì mọi người, biết khiêm, liêm, chính, chí công vô tư,... mới là hiền tài của đất nước. Hiền tài là người được quốc gia trọng dụng, đưa đất nước phát triển về mọi mặt. Việc trọng dụng nhân tài, hiền tài là không thể thiếu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Từ xưa các bậc đế vương đã biết kêu gọi hiền tài, đề ra những chính sách hấp dẫn nhân tài, đưa ra những lợi ích lợi, phần thưởng cho hiền tài và Hồ chủ tịch cũng bao lần kêu gọi hiền tài góp sức cho đất nước trong cuộc kháng chiến, đề cao việc trọng dụng hiền tài. Dưới sự kêu gọi của Người, rất nhiều những nhân tài, hiền tài đã đứng lên đóng góp tài năng và trí tuệ của mình: các bậc trí thức tân tiến tài giỏi như Vũ Đình Tụng, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Giàu... Dưới sự đóng góp của họ, đất nước ta đã chiến thắng các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, đất nước tiến lên với nền độc lập, hòa bình. Nếu hiền tài không được trọng dụng, không được trọng dụng thì đất nước sẽ không tiến lên, không có sự hưng thịnh như ngày nay. Vì vậy noi theo tấm gương của các bậc đế vương và Hồ chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta hiện nay vẫn đề cao và trọng dụng hiền tài, kêu gọi hiền tài đóng góp công sức cho đất nước.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Liên hệ thực tế: Hiện nay, các tập đoàn lớn tuyển dụng nhân tài thế nào? b. Nội dung thực hiện: HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	HS sáng tạo theo hiểu biết và trí tưởng tượng của mình

Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài luận ngắn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi tốt để cả lớp tham khảo	nhân Gợi ý cho HS thực hiện <i>Tham khảo phụ lục</i>
---	--

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về tác giả về thể văn bia (Dành cho GV muốn thay thế HĐ thảo luận thành làm phiếu)

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM



Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung

1

2

3

Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc?



Phiếu tìm hiểu tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

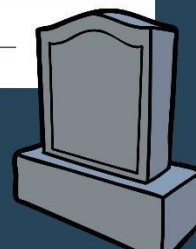


1

Hãy chỉ ra trong bài những câu văn cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả đối với nhân tài.

2

Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì?



Phụ lục 2. Rubic chấm phần thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, t bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu trọng tâm Không trả lời đủ hết câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới đ lại ở mức độ biết và t điểm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành không tham gia hoạt đ	1 điểm Hoạt động tương đối gắn có tranh luận nhưng vẫn đi thông nhất Vẫn còn 1 thành viên kh tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhi tương khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều t gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubic chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức	1 điểm	2 điểm	3 điểm

(3 điểm)	Bài làm còn sơ sài, t bày cấu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	Bài làm tương đối đầy đủ, chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy chín chu Trình bày cẩn thận Cl kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới d lại ở mức độ biết và t diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và t tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và t tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Hoạt động vận dụng, liên hệ

Khác với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hay tập đoàn lớn sẽ có kênh tuyển dụng của riêng mình, không cần sử dụng kênh tuyển dụng trực tuyến từ bên ngoài.

Mọi thông tin tuyển dụng được công khai trên web doanh nghiệp, với đầy đủ thông tin nhiệm vụ, yêu cầu, thời gian ứng tuyển. Kèm theo đó là đường link nộp hồ sơ trực tiếp đến phòng nhân sự doanh nghiệp.

Đây là cách tuyển dụng thông qua phỏng vấn cho hầu hết mọi chức danh trong doanh nghiệp, tập đoàn. Với khối lượng lớn hồ sơ ứng tuyển, để quản lý hiệu quả, tất cả đều nhờ phần mềm quản lý tuyển dụng nhân sự chuyên nghiệp.

YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nêu** một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ **Học sinh hiểu** được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.
- ❖ **Học sinh cảm nhận** được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- ❖ **Học sinh thấy** được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Học sinh ý thức được tầm quan trọng của sự đồng cảm trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- 2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS xem video về khái niệm đồng cảm.	
❖ Link video: https://youtu.be/xD7Q5wG-2Vs	
❖ Phân đặt câu hỏi cho học sinh: Em hiểu như thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bằ	

sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng thế nào?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu video Thu thập câu trả lời của học sinh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	<i>GV dẫn dắt vào bài học</i> <i>Tìm hiểu về văn bản Yêu và đồng cảm</i>
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề. ❖ Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản. ❖ Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao nghệ thuật. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu nội dung văn bản ❖ Học sinh phát vấn, thảo luận về tầm quan trọng của sự đồng cảm trong hoạt động sáng nghệ thuật.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả a. Tiểu sử - Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	tiếng của Trung Quốc - Ông từng tôn Pháp sư Hoàng Nhất (Lý Thúc Đoan) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây. 2. Phong cách sáng tác - Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị tự nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được coi là chứng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thi sĩ hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tầm quan trọng của thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật. - Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> được trích trong tập <i>Sống vốn đơn thuần</i> của Phong Tử Khải, là chương 5 trong cuốn sách, có tiêu đề là <i>Sống mà học nghệ thuật</i>. - <i>Sống vốn đơn thuần</i> là tập văn - họa khá đặc trưng về phong cách viết, vẽ của tác giả. b. Bố cục 4 phần: - Phần 1: đoạn 1 + 2: những cảm nhận ban đầu và lý giải của tác giả về lòng đồng cảm - Phần 2: đoạn 3: cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm
---	---

	cảm - Phần 3: đoạn 4 + 5: đối tượng của lòng đồng cảm - điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em - người nghệ sĩ - Phần 4: đoạn 6: thông điệp gửi gắm của tác giả muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn trong cuộc sống thường ngày
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia 4 nhóm để HS tìm hiểu về bản Nhóm Nhạc sĩ . Em hãy tìm trong văn những đoạn, những câu nói về trẻ em và biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em tới tuổi thơ như vậy? Nhóm Thám tử. Xác định nội dung trọng của từng phần đã được đánh số trong văn và đánh giá sự liên kết giữa các phần Nhóm Họa sĩ. Tác giả đã phát hiện đ tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ Nhóm Nhà văn. Theo em, nếu không có c họa. kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đ phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Có thể dựa vào phiếu học tập gợi ý Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định	II. Đọc hiểu văn bản 1. Những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của giả về lòng đồng cảm. (đoạn 1+ 2) - Mở đầu bằng một câu chuyện: cậu bé lật chiếc đ hồ quả quýt úp xuống bàn; chuyển chén trà đặt phía quai ấm trà lên trước vôi ẩm; bắc ghế treo lên giầu treo tranh trên tường buồng thông thò ra ngoài. - Câu chuyện về sự đồng cảm => sự chú ý để tâm đồ vật, sự bày trí sắp xếp vị trí của chúng có thoải thì người nhìn vào mới cảm thấy dễ chịu. - Tâm cảnh trước cái đẹp là thủ pháp thường dùng t văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong họa. => Tất cả đều được phát triển từ hội họa. => Người nghệ sĩ phải có lòng đồng cảm bao la như lòng trời đất. - Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của những người nghề nghiệp khác nhau: + Cùng một gốc cây nhưng nhà khoa học, bác làm v chú thợ mộc, anh họa sĩ lại có cách nhìn nhận l nhau. + Nhà khoa học nhìn thấy được tính chất và trạng của nó, bác làm vườn thấy sức sống của nó, chú thợ nhìn thấy chất liệu của nó, anh họa sĩ thấy đáng về

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	nó. => Tiêu chuẩn giá trị trong thế giới của Mĩ khác trong thế giới của Chân và Thiện. Chúng ta chỉ thu thức đáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật chứ không quan tâm tới giá trị thực tiễn của chúng. => Vì vậy tấm lòng người nghệ sĩ đối với mọi sự trên đời đều phải đồng cảm và nhiệt thành.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn tìm hiểu về dung của đoạn văn: - Phải chăng đồng cảm là một phẩm không thể thiếu ở người nghệ sĩ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Cách thể hiện lòng đồng cảm của người nghệ sĩ: + Họa sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên trẻ em, đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày. + Cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với tượng miêu tả. - Ý nghĩa của lòng đồng cảm: + Nhờ có lòng đồng cảm như thế người họa sĩ có sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật. + Nếu không có lòng đồng cảm bao la như thế thì người nghệ sĩ không thể trở thành người họa sĩ thực thụ được. + Nghệ sĩ lớn ắt phải là người có nhân cách vĩ đại. 3. Đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Đối tượng của lòng đồng cảm: + Lòng đồng cảm của nghệ sĩ không chỉ dành cho con người mà còn trải khắp sinh vật và phi sinh vật ở mọi nơi. + Nếu chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ, mở lòng để biết đồng cảm nhiều hơn với vạn vật thì sẽ nhận được rõ rệt những tình cảnh ấy. - Sự đồng điệu giữa trẻ em và người nghệ sĩ + Tác giả cho rằng trẻ em giàu lòng đồng cảm hơn.

	+ Chúng không chỉ biết đồng cảm với con người mà biết đồng cảm với thế giới tự nhiên như chó mèo, cá, bướm sâu...chúng hồn nhiên trò chuyện. + Chúng thường để ý và quan tâm đến những điều người lớn không quan tâm đến, phát hiện ra những điều mà người lớn không phát hiện đến. + Bản chất của trẻ thơ là nghệ thuật. => Tác giả thường nhắc tới trẻ em vì: theo tác giả em là người đã dạy cho người nghệ sĩ và tất cả chúng ta cách nhìn đời, cách nhận ra mối tương thông giữa vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư tận suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật. => Con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị một số yếu tố bên ngoài tác động nên tấm lòng ấy bị dồn ép, cản trở và dần trở nên mòn. Chỉ có người thông minh, không khuất phục giữ được tấm lòng đáng quý ấy của họ. Đó mới là người nghệ sĩ thực thụ. 4. Thông điệp gửi gắm của tác giả - Chỉ cần đặt tình cảm của mình vào tác phẩm nghệ thuật hoặc thiên nhiên đẹp đẽ, đồng cảm với chúng, sẽ hiểu được cái đẹp của chúng. - Chúng ta vẫn có thể thấy được thời hoàng kim của thơ, thấy thế giới hạnh phúc, nhân ái và hòa bình vào việc bồi đắp nghệ thuật. - Mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông với người khác III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Cho thấy lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người và tác động đến cả vạn vật xung quanh.
--	--

	quanh - Khẳng định giá trị và ý nghĩa của lòng đồng cảm với con người, giúp cuộc sống nhiều cảm xúc và người có thể gần gũi, gắn kết nhau hơn - Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật 2. Nghệ thuật - Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu - Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic - Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc: Sự đồng cảm tạo vẻ đẹp gắn kết của thế giới b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi tiết hay nhất để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Một nhà văn Nga đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương”. Con người cần có sự đồng cảm để sưởi ấm trái tim, gắn kết con người với con người, tạo nên một thế giới tươi đẹp. Đồng cảm là sự đồng điệu trong cảm xúc, là biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. Sự đồng cảm không chỉ là giữa người với người mà còn là sự đồng cảm giữa người với vật; cần có sự đồng cảm với mọi vật trên đời để có một tấm lòng cao cả, một mối quan hệ tốt đẹp và hơn hết là một cuộc sống luôn hạnh phúc. Sự đồng cảm được thể hiện qua những hành động như xây dựng nên những tổ chức Quỹ chữ thập đỏ, Trái tim cho em, Phong trào kế hoạch nhỏ thu gom

	vụn, ... mang tấm lòng đồng cảm đến mọi người. Đồng cảm với sự vật bằng cách hòa mình vào chúng, mang theo cái nhìn đầy tình cảm để thưởng thức, ngắm nhìn mọi vật một cách nhân tính hóa. Sự đồng cảm có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên đẹp hơn, thân thiện hơn, gắn bó hơn... Tuy nhiên thế hệ trẻ ngày nay vẫn còn một số bộ phận thanh thiếu niên không có sự đồng cảm, sống ích kỉ, thờ ơ với mọi người, gây ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Đồng cảm là một lối sống đẹp, một lối ứng xử giữa người với người cần được gìn giữ và phát huy. Lối ứng xử tốt đẹp đó không chỉ sưởi ấm lòng người khác, đem lại hạnh phúc cho chính mình mà đồng cảm còn tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ: Nhà thơ Xuân Diệu từng viết: “Hãy nhìn bằng đôi mắt xanh non” (Đôi mắt xanh non, trong tập <i>Riêng chung</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1977). Dựa vào nội dung văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i>, hãy thử nêu lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy. b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chi	Gợi ý: Lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy: - Đôi mắt xanh non là chỉ đôi mắt của trẻ con, nhìn một cách ngây thơ, hồn nhiên nhất để cảm nhận thế giới trong một màu hồng tươi đẹp. - Nhìn đời bằng đôi mắt của trẻ nhỏ sẽ giúp ta cảm nhận cuộc sống dưới một góc độ tươi đẹp hơn, không có mệt mỏi và chỉ tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. - Nhà thơ muốn quay trở lại tuổi thơ, trở lại hình hài

tốt để cả lớp tham khảo	một đứa trẻ để cảm nhận được tình yêu, niềm hạnh phúc khi được vui chơi mà không cần lo nghĩ việc đời.
-------------------------	--

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu chung

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Điền dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng về thông tin của tác giả và tác phẩm

- ☐ Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Việt Nam.
- ☐ Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.
- ☐ Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.
- ☐ Văn bản Yêu và đồng cảm được trích trong tập Sống vốn đơn thuần của Phong Tử Khải, là chương 8 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật.
- ☐ Sống vốn đơn thuần là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả

Phụ lục 2. Phiếu tìm hiểu văn bản

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Họa sĩ

Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ?

Nhóm thám tử

Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Nhạc sĩ

Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy?

Nhóm thám tử

Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần

Phụ lục 3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, t bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu trọng tâm Không trả lời đủ hết câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới đ lại ở mức độ biết và t điểm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành không tham gia hoạt đ	1 điểm Hoạt động tương đối gắn có tranh luận nhưng vẫn đi thông nhất Vẫn còn 1 thành viên kh tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhi tương khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều t gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	ĐÃ LÀM TỐT	RẤT XUẤT SẮC
-----------------	--------------------	-------------------	---------------------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới chỉ dừng lại ở mức độ biết và hiểu	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và tương đối tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng và nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và tương đối tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng và nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			